TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 523/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Mỹ Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ Cẩm

2. Ông Vũ Trung Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1178/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1984; Địa chỉ: 130/9 H, Phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Võ Hoàng S – sinh năm 1975; Địa chỉ: 130/9 H, Phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đơn phương ly hôn đề ngày 27/11/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và Ông Võ Hoàng S kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01 ngày 23/5/2003. Bà và Ông S chung sống được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn do Ông S có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình. Bà đã cố chịu đựng, nhiều lần khuyên nhủ Ông S nhưng Ông S vẫn

không thay đổi. Do không thể chịu đựng được thêm nên bà và Ông S đã ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với Ông S và muốn ổn định cuộc sống để lo cho con nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông S.

Về con chung: Bà T khai bà và Ông S có 02 con chung là Võ Tường V – sinh ngày 29/10/2004 và Võ Hoàng H1 – sinh ngày 06/10/2009. Ly hôn, Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và để Ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Bị đơn, Ông Võ Hoàng S mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với Ông S vì vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Võ Tường V – sinh ngày 29/10/2004 và Võ Hoàng H1 – sinh ngày 06/10/2009, không yêu cầu Ông S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà T khai không có.

Ông Võ Hoàng S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Yêu cầu của Bà T là có cơ sở, phù hợp pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T, giao 02 con chung cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của Bà T về việc không yêu cầu Ông S cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị T nộp đơn xin ly hôn với bị đơn là Ông Võ Hoàng S. Ông Võ Hoàng S hiện đang cư trú tại 130/9 H, Phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Võ Hoàng S không đến Tòa án để giải quyết mặc dù đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập để trình bày ý kiến, thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông Võ Hoàng S .

Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp ngày 23/5/2003 thì quan hệ hôn nhân của Bà Nguyễn Thị T và Ông Võ Hoàng S là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo Bà T trình bày: Trong quá trình chung sống, Ông S sống không có trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc gia đình và còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Bà T đã cố gắng khuyên nhủ Ông S thay đổi, cùng khắc phục mâu thuẫn nhưng không được khiến cho mâu thuẫn vợ chồng càng gay gắt. Cả hai đã ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay nên khó có cơ hội hàn gắn tình cảm. Xét thấy, trong quan hệ vợ chồng giữa Bà T và Ông S không còn sự quan tâm, chia sẻ và tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Phía Bà T kiên quyết xin ly hôn, Ông S không có mặt khi Tòa án triệu tập và cũng không có bất cứ ý kiến trình bày nào đối với yêu cầu ly hôn của Bà T, thể hiện Ông S không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có công văn gởi Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Tân Bình để xác minh về mâu thuẫn gia đình giữa Bà T và Ông S. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Tân Bình trả lời không có thông tin về mâu thuẫn gia đình giữa Bà T và Ông S. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của Bà T là có căn cứ nên chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung là Võ Tường V – sinh ngày 29/10/2004 và Võ Hoàng H1 – sinh ngày 06/10/2009. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu Ông S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hai trẻ hiện đang sống chung với Bà T, đang trong độ tuổi phát triển và có nhiều thay đổi về tâm sinh lý nên cần sự chăm sóc của mẹ, sự ổn

định về nơi ở, học tập và ổn định về tâm lý. Hơn nữa Trẻ V và Trẻ H1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Phía Ông S vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có bất cứ yêu cầu nào về việc nuôi dưỡng con chung. Do vậy, căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của Bà T là có căn cứ chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Ông S do Bà T không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có. Ông S vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến về tài sản chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039552 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Bà Nguyễn Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với Ông Võ Hoàng S .

- Về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao Bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng Có 02 con chung là Võ Tường V – sinh ngày 29/10/2004 và Võ Hoàng H1 – sinh ngày 06/10/2009, Ông Võ Hoàng S không cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Võ Hoàng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T khai không có.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm do Bà Nguyễn Thị T phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Bà T đã nộp theo biên lai số 0039552 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Hoàng S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mỹ Kiều

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

Hoàng Mỹ Kiều